TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **Bản án số: 01/2019/KDTM-ST** Ngày: 13-3-2019. V/v: " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân***:**

- Bà **Nguyễn Thị Liên.**
- Ông **Phạm Tiến Lợi.**

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Lê Đắc Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2018/TLST- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2018 về: " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 15/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 25 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A, Trụ sở: Số 170 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh; **Người đại diện theo pháp luật**: Ông **Vũ Văn T** – Chức vụ: Chủ tich Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị H-** Phó tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Lâm Quang C, ông Nguyễn Năng T** - chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP A Theo giấy ủy quyền số 03 ngày 02/01/2018 (ông C – Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)**.**

2.2. Chị **Bùi Thị Phương Q**, sinh năm 1981;(vắng mặt)**.**

Đều HKTT và cư trú tại: Đội 6, thôn H, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1952(vắng mặt)**.**

3.2. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1948 (vắng mặt)**.**

Đều có HKTT và cư trú tại: Đội 6, thôn H, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/04/2013, Ngân hàng TMCP A (viết tắt là A) – Chi nhánh Hà Nội đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 031.12/HĐHM CN/II.19 ngày 01/04/2013 với anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q và hai bên lập Giấy nhận nợ: Nội dung A cho vợ chồng anh T và chị Q vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng);

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh

Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 11/04/2013 đến 11/10/2013.

Lãi suất: 15%/1 năm.

Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Trả gốc 1 lần hoặc nhiều lần theo giấy nhận nợ cụ thể là ngày 11/10/2013 phải trả toàn bộ nợ gốc.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên bên thứ ba, ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T đã thế chấp tài sản của mình là: Quyền sử đất tại và các tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05, diện tích 253m2, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A504848, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837 QSDĐ/CM do UBND huyện Chương Mỹ, Hà Nội (Hà Tây cũ) cấp ngày 01/01/1991 cho ông Nguyễn Văn T vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837 QSDĐ/CM)* theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 954, quyển số 01.2012, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/04/2012 tại Phòng công chứng số 7 thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị T. Tài sản thế chấp đã

được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (phòng tài nguyên và môi trường) huyện Chương Mỹ, Hà Nội ngày 06/04/2012.

Ngày 11/04/2013, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q đã được A giải ngân tổng số tiền 350.000.000 đồng *(ba trăm năm mươi triệu đồng)* Theo giấy nhận nợ đúng theo nội dung đề nghị.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q đã thanh toán cho Atổng số tiền: **33.057.181 đồng** trong đó thu gốc **10.015.515 đồng(** ngày 15/11/2014 trả 5.000.000đ nợ gốc, ngày 19/12/2014 trả 5.000.000đ nợ gốc. Ngày 16/3/2015 trả 15.515đ nợ gốc và thu lãi trong hạn đến ngày 15/8/2013: 23.041.666đ.

Đến kỳ thanh toán tháng 10/2013 anh T và chị Q bắt đầu vị phạm nghĩa vụ trả nợ và A đã nhiều lần làm việc với bên vay, thế chấp để yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm thanh toán nợ. Cả bên vay và bên thế chấp tài sản đã nhiều lần cam kết trả nợ, xử lý tài sản bảo đảm, tuy nhiên bên vay là vợ chồng anh T và chị Q đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã ký trong Hợp đồng cũng như các cam kết thực hiện trả nợ đã ký với A.

Vì vậy, Akhởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q thanh toán cho Atổng số tiền tính đến ngày **13/3/2019** là:

Nợ gốc:	339.984.485 đồng.
Nợ lãi trong hạn:	3.645.833 đồng.
Nợ lãi quá hạn:	350.246.164 đồng.
Tổng nợ:	**693.876.482** đồng

Vợ chồng anh T có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 14/3/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng hạn mức số 031.12/HĐHM CN/II.19 ngày 01/04/2013 đã ký kết với Acho đến khi thanh toán hết nợ vay cho A;

Kể từ khi bản án , hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q không trả số nợ trên đề nghị Tòa án quyết định Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là: *Quyền sử dụng đất tại và các tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05, diện tích 253m2, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A504848, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837 QSDĐ/CM do UBND huyện Chương Mỹ, Hà Nội (Hà Tây cũ) cấp ngày 01/01/1991 cho ông Nguyễn Văn T vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837 QSDĐ/CM)*

theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 954, quyển số 01.2012, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/04/2012 tại Phòng công chứng số 7 thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q đối với A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T và chị Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho A

***Tại biên bản tự khai bị đơn chị Bùi Thị Phương Q trình bà*y**: Chị thừa nhận năm 2013 vợ chồng chị có ký hợp đồng và vay đã nhận nợ ngân hàng A số tiền 350.000.000đ như Ngân hàng trình bày, được sự đồng ý của bố mẹ anh T tên là ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T đã dùng tài sản của ông bà Thú để thế chấp đảm bảo khoản vay và đã làm các thủ tục thế chấp như ngân hàng trình bày là đúng.

Từ khi vay vợ chồng chị đã thanh toán được 1 phần số nợ gốc và lãi như ngân hàng trình bày là đúng. Từ tháng 10/2013 vợ chồng chị không thực hiện được nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Đến nay chị Q xác nhận và chỉ trả nợ Ngân hàng 339.984.485 đồng nợ gốc. Còn tiền lãi vợ chồng chị chỉ trả Ngân hàng 50.000.000đ không chấp nhận trả lãi theo hợp đồng vì hiện tại kinh tế vợ chồng chị rất khó khăn.

Nếu vợ chồng chị Q không trả được nợ cho Ngân hàng chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng được xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết với các bên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T trình bày:Thừa nhận có dùng tài sản là đất ở Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05, diện tích 253m2 để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng anh T chị Q và không trình bày nội dung nào khác.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đã thống nhất: Vợ chồng chị Q, anh T đã trả cho Atổng số tiền: **33.057.181** đồng trong đó thu gốc 10.015.515 đồng, thu lãi trong hạn đến ngày 16/9/2013: 23.041.666đ.

Tính đến ngày 13/3/2019 vợ chồng anh T chị Q còn nợ Ngân hàng A: **339.984.485** đồng nợ gốc

Các tình tiết không thống nhất: Số tiền lãi vợ chồng anh T chị Q phải trả cho A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật; bi đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: vợ chồng anh T, chị Q phải chịu phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, đối tượng tranh chấp là các hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh và lợi nhuận vì vây việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Về hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ bản tự khai của Nguyên đơn, lời khai của bị đơn chị Bùi Thị Phương Q xác định Avà vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 031.12/HĐHM CN/II.19 ngày 01/04/2013 và Giấy nhận nợ.

Nội dung: Nội dung A cho vợ chồng anh T và chị Q vay:

Số tiền: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 11/04/2013 đến 11/10/2013.

Lãi suất vay: Lãi suất: 15%/1 năm; Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất trong hạn tức 22,50%/năm; phương thức trả nợ trả nợ gốc: Trả gốc 1 lần hoặc nhiều lần theo giấy nhận nợ cụ thể là ngày **11/10/2013** phải trả toàn bộ nợ gốc.

Vợ chồng chị Q xác nhận đã được nhận tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ hai bên đã ký kết. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vợ chồng chị Q đã trả cho Atổng số tiền: **33.057.181 đồng** trong đó thu gốc **10.015.515 đồng** (ngày 15/11/2014 trả 5.000.000đ nợ gốc, ngày 19/12/2014 trả 5.000.000đ nợ gốc. Ngày 16/3/2015 trả 15.515đ nợ gốc và thu lãi trong hạn đến ngày 15/8/2013: 23.041.666đ.

Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/10/2013 nhưng từ đó đến nay vợ chồng chị Q không trả được nợ gốc cũng như nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập, xác định tính đến ngày **13/3/2019** vợ chồng anh T chị Q còn nợ Ngân hàng Atiền gốc: **339.984.485** đồng.

Do không thống nhất về lãi phải trả, căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng từ do ngân hàng Anộp, lời khai của chị Q xác định từ ngày 10/11/2013 vợ chồng chị Q đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết về việc trả nợ gốc, lãi tính vì vậy lãi suất nợ quá hạn là 22,50%/năm. **Đến ngày 13/3/2019** vợ chồng chị Q còn nợ:

-Tiền gốc: **339.984.485** đồng.

- Lãi trong hạn từ ngày 16/9/2013 đến ngày 10/11/2013: **3.645.833 đồng.**

- Lãi quá hạn tính từ ngày 11/11/2013 đến ngày 13/3/2019**: 350.246.164 đồng**.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là **693.876.482 đồng**

Nay Akhởi kiện vợ chồng anh T và chị Q trả nợ gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ theo quy định Điều 351 BLDS 2015. Vì vậy vợ chồng anh T và chị Q có nghĩa vụ trả cho A đến ngày xét xử 13/3/2019 là **693.876.482 đồng.**

Về đề nghị xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo thực hiện khoản vay bên thế chấp là vợ chồng ông Nguyễn Văn T đã dùng tài sản là:

Quyền sử dụng đất tại và các tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05, diện tích 253m2, đã được UBND huyện Chương Mỹ, Hà Nội (Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A504848, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837 QSDĐ/CM cấp ngày 01/01/1991 cho ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 954, quyển số 01.2012, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/04/2012 tại Phòng công chứng số 7 thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị T. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại **UBND** huyện Chương Mỹ. Bên thế chấp

đồng ý thế chấp tài sản trên để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên vay vốn là Vợ chồng anh T chị Q với khoản vay 350.000.000 đồng.

Theo Điều 7 Hợp đồng thế chấp quy định xử lý tài sản thế chấp: "*Khi đến hạn bên được cấp tín dụng không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho A; bao gồm cả trường hợp Athu nợ trước hạn thì tài sản bảo đảm được xử lý để thu hồi nợ.*" Đồng thời việc thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Chương Mỹ vào sổ ngày 06/4/2012 Bút lục số 70)

Vì vậy Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 31/7/2012 số công chứng 1218/2012, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 31/07/2012 Văn phòng công chứng Hà Đông, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định tại Điều 715,716,717, 720 BLDS 2005.

Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản thế chấp tại thời điểm xét xử, và thời điểm thế chấp không có thay đổi giữ nguyên theo đúng hợp đồng thế chấp.

Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ: Buộc vợ chồng anh T và chị Q trả cho A tổng nợ là **693.876.482 đồng** (gồm gốc và lãi phát sinh cho đến ngày 13/3/2019), lãi suất tính theo hợp đồng. Nếu vợ chồng chị Q anh T không thi hành trả nợ gốc và lãi số tiền trên A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp ngày 31/7/2012 số công chứng 1218/2012, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 31/07/2012.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của A được hấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, vợ chồng anh T chị Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Bởi các lẽ trên*.**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các Điều 302, 342, 343, 351, 355, 715, 716, 717, 720 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 130 Luật Đất đai năm 2003

Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ, Nghị định 11/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính Phủ.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Phương Q có nghĩa vụ trả nợ Asố tiền tổng cộng là: **693.876.482 đồng**, gồm nợ gốc: 339.984.485đ**,** nợ lãi trong hạn (15%/ năm)**:** từ ngày 16/9/2013 đến ngày 10/11/2013: 3.645.833 đồng, nợ lãi quá hạn 22,50%/năm tính từ ngày 11/11/2013 đến ngày 13/3/2019: 350.246.164 đồng.

Vợ chồng anh T và chị Q tiếp tục phải chịu lãi quá hạn, theo hợp đồng tín dụng Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 031.12/HĐHM CN/II.19 ngày 01/04/2013 và Giấy nhận nợ kể từ ngày 14/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật vợ chồng anh T và chị Q không thi hành trả nợ gốc và lãi số tiền trên Acó quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất được UBND huyện Chương Mỹ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A504848, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837 QSDĐ/CM cấp ngày 01/01/1991 cho ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 954, quyển số 01.2012, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/04/2012 tại Phòng công chứng số 7 thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị T.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị anh T và chị Q phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho A**.**

Về án phí: Vợ chồng anh T và chị Q cùng phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 20.000.000đ + 4% (693.876.482 đ - 400.000.000đ**) = 31.750.000** đồng , hoàn trả cho Atiền tạm ứng án phí là 14.000.000đ do ông Lâm Quang Cường đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/ 0003652 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân Tp.Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H.Chương Mỹ;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H.Chương Mỹ;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án/ Văn phòng.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Thị Thu Thủy